

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tỉnh Lạng Sơn tháng 5/2020

1. Tình hình thị trường

Trong tháng 5, giá cả các loại hàng hóa trên thị trường cơ bản ổn định, hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra bình thường. Đến nay, do trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chưa có trường hợp lây nhiễm dịch bệnh Covid-19, do đó giá cả tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tương đối ổn định. Riêng đối với mặt hàng thịt lợn, do trên địa bàn tỉnh đã xuất hiện, tái phát các ổ bệnh dịch tả lợn Châu Phi, trong điều kiện người dân đang gia tăng tái đàn lợn do đó, giá thịt lợn trong tuần có xu hướng tăng.

Giá cả của một số mặt hàng vào thời điểm khảo sát thực tế tại chợ Giếng Vuông và chợ Bờ Sông cụ thể như sau: Giá gà sống thối mức 170.000 - 180.000 đ/kg, giá vịt làng khoảng 60.000 đ/kg, cá rô phi 45.000 đ/kg, cá chép 60.000 đ/kg, cá quả 120.000 đ/kg, cá trắm (đen) 85.000 đ/kg, bí xanh 15.000 đ/kg, chanh 35.000 đ/kg, khoai tây 20.000 đ/kg, dưa chuột 15.000 đ/kg, ngô ngọt 7.000 đ/bắp, cà rốt 15.000 đ/kg, xu hào: 15.000đ/kg, bắp cải: 15.000đ/kg,...

Chỉ số giá (CPI) chung toàn tỉnh tháng 5/2020 tăng 6,37% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng một số nhóm hàng sau: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 22,24%; Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,75%; Nhóm hàng thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,88%; Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 3,4%; Nhóm giáo dục tăng 7,53%; Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 1,99%.

Chỉ số giá vàng so với tháng trước tăng 1,7%: Chỉ số giá vàng bình quân tháng 5/2020 so với tháng trước tăng do trong tháng giá vàng thế giới có nhiều biến động, thị trường vàng trong nước giao dịch điều chỉnh giá tăng, giảm theo giá thị trường.

Chỉ số giá đô la Mỹ giảm 1,43% so với tháng trước.

2. Tình hình mặt hàng thịt gia súc tươi sống

Trong tháng 5, dịch tả lợn châu Phi đã xảy ra tại 35 hộ của 17 thôn trên 10 xã của huyện: Văn Lãng, Cao Lộc, Lộc Bình, Hữu Lũng, Bắc Sơn, Bình Gia, Chi Lăng. Tổng số lợn chết và tiêu hủy là 108 con với tổng trọng lượng là 3.369kg.

Hiện tượng giá thịt lợn hơn và giá thịt lợn thành phẩm bắt đầu tăng cao từ

ngày 19/5/2020 cho đến nay, cụ thể: Thịt lợn hơi dao động ở mức 95.000đ/kg - 103.000đ/kg; thịt lợn thành phẩm dao động ở mức 160.000đ/kg – 180.000đ/kg (thịt nạc vai: 160.000đ-170.000đ/kg; sườn 180.000đ/kg...).

Giá thịt lợn khảo sát ngày 29/5/2020 tại các chợ Bờ Sông, Giếng Vuông, Kỳ Lừa và Chi Lăng cụ thể: Thịt lợn hơi dao động ở mức 100.000đ/kg - 103.000đ/kg; thịt lợn thành phẩm dao động ở mức 170.000đ/kg – 200.000đ/kg (thịt nạc vai: 170.000đ/kg; thịt ba chỉ: 170.000đ/kg – 180.000đ/kg; sườn 190.000đ/kg - 200.000đ/kg...). Tại siêu thị VinMart, thịt chân giò 180.000đ/kg; thịt nạc thăn 203.000đ/kg...

3. Diễn biến giá cả một số mặt hàng thiết yếu so với tháng trước tại thời điểm khảo sát (có biểu kèm theo)

- Giá xăng, dầu: tăng, giảm theo thị trường thế giới.
- Giá vàng và ngoại tệ USD:
 - + Giá vàng bán ra 4.879.000đ/1 chỉ tăng 42.000đ/1 chỉ so với tháng trước;
 - + USD bán ra 23.370đ/1USD giảm 165đ/1USD so với tháng trước;
- Giá cả một số mặt hàng thiết yếu tháng 5/2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chi tiết như biểu kèm theo.

4. Dự báo diễn biến tình hình giá cả tháng tiếp theo

Dự báo trong tháng 6/2020 các loại mặt hàng thiết yếu, tiêu dùng có xu hướng cơ bản ổn định, riêng một số mặt hàng xăng dầu, khí đốt hoá lỏng (LPG) sẽ tiếp tục có những biến động tăng, giảm theo tác động của thị trường thế giới./.

Nơi nhận:

- Bộ Công Thương (B/c);
- Vụ TTTN - Bộ Công Thương (B/c);
- UBND tỉnh (B/c);
- Sở CT một số tỉnh (trao đổi);
- Lãnh đạo Sở;
- TTKC&XTTM (đăng trên Website TMĐT);
- Phòng KH-TH;
- VP Sở (đăng trên Website Sở Công Thương);
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đình Kỳ Giang

GIÁ BÁN LẺ MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SCT ngày /5/2020
của Sở Công Thương Lạng Sơn)

STT	Mặt hàng	ĐVT	Tháng trước báo cáo	Thời điểm báo cáo	Mức tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)
1	Điện sinh hoạt (Giá bán điện áp dụng cho điện năng trong khoảng thời gian để hỗ trợ tiền điện do ảnh hưởng dịch Covid-19 theo Công văn số 2739/EVN-KD ngày 16/4/2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam)				
	+ Từ 0-50Kw	đ/kw	1.510	1.510	
	+ Từ 51-100Kw	đ/Kw	1.561	1.561	
	+ Từ 101-200Kw	đ/Kw	1.813	1.813	
	+ Từ 201-300Kw	đ/Kw	2.282	2.282	
	+ Từ 301-400Kw	đ/Kw	2.834	2.834	
	+ Từ 401Kw trở lên	đ/Kw	2.927	2.927	
2	Than tổ ong	đ/viên	3.000	3.000	
3	Sắt				
	- Sắt xây dựng	đ/kg	16.000	16.000	
	- Thép hộp mạ kẽm	đ/kg	20.000	20.000	
4	Thép tròn φ6, φ8	đ/kg	11.550	11.550	
5	Ngói Hạ Long	đ/viên	15.000	15.000	
6	Xi măng				
	- Xi măng Lạng Sơn PCB30	đ/tấn	1.010.000	1.010.000	
	- Xi măng Hoàng Thạch PCB30	đ/tấn	1.500.000	1.500.000	
	- Sỏi Xây dựng	đ/khối	180.000	180.000	
	- Cát Xây	đ/khối	230.000	230.000	
	- Cát vàng (loại 1)	đ/khối	360.000	360.000	
	- Cát vàng (loại 2)	đ/khối	340.000	340.000	
	- Cát chất	đ/khối	180.000	180.000	
7	Tại thời điểm báo cáo giá xăng dầu (từ ngày 30/4/2020 đến ngày 29/5/2020 đã có 02 lần điều chỉnh)				
	<i>Ngày 13/5/2020 giá xăng được điều chỉnh</i>				
	- Xăng RON95	đ/lít	11.960	12.570	+610
	- Xăng E5RON92	đ/lít	11.150	11.750	+600
	- Dầu Diezen 0,05%	đ/lít	10.130	10.040	-90
	<i>Ngày 28/5/2020 giá xăng</i>				

	<i>được điều chỉnh</i>				
	- Xăng RON95	đ/lít	12.570	13.480	+910
	- Xăng E5RON92	đ/lít	11.750	12.640	+890
	- Dầu Diezen 0,05%	đ/lít	10.040	10.950	+910
8	Phân bón				
	- Phân Đạm UREA	đ/kg	7.500	7.500	
	- Phân NPK-S 12.5.10-14 Lâm Thao	đ/kg	6.520	6.520	
9	Vở học sinh (48 trang)	đ/quyển	11.000	11.000	
10	Đường	đ/kg	23.000	23.000	
11	Mỳ tôm	đ/gói	2.500-3500	2.500-3500	
12	Muối	đ/kg	3.000	3.000	
13	Dầu ăn	đ/lít	22.000	22.000	
	- Dầu Neptune	đ/lít	41.500	41.500	
	- Dầu đậu nành Tường An	đ/lít	38.500	38.500	
	- Dầu Cái Lân	đ/lít	29.500	29.500	
	- Dầu Simply Hạt cải	đ/lít	39.000	39.000	
14	Nước (đóng chai)	đ/lít	4000-5000	4000-5000	
15	Giấy vệ sinh	đ/cuộn	5000-6000	5000-6000	
16	Lương thực, thực phẩm				
	- Gạo tẻ thường	đ/kg	14.000	15.000	+1.000
	- Gạo tẻ thường (gạo Bao thai thường)	đ/kg	17.000	17.000	
	- Gạo bao thai mới Thất Khê	đ/kg	18.000	18.000	
	- Gạo nếp mới Thất Khê	đ/kg	28.000	28.000	
	- Gạo nếp cái hoa vàng	đ/kg	25.000	25.000	
	- Thịt lợn hơi	đ/kg	88.000 – 90.000	100.000-103.000	+12.000 – 13.000
	- Thịt lợn vai	đ/kg	150.000	170.000	+20.000
	- Thịt mông sấn	đ/kg	150.000	170.000	+20.000
	- Thịt ba chỉ	đ/kg	160.000	180.000	+20.000
	- Thịt chân giò	đ/kg	140.000	160.000	+20.000
	- Sườn lợn	đ/kg	160.000	190.000	+30.000
	- Thịt bò (loại 1)	đ/kg	320.000	320.000	
	- Cá chép (Nuôi)	đ/kg	60.000	60.000	
	- Cá trắm (đen)	đ/kg	85.000	85.000	
	- Gà giò	đ/kg	150.000	150.000	

	- Gà Sổng Thiên	đ/kg	180.000	180.000	
17	Rau, củ, quả các loại				
	Bắp cải	đ/kg	15.000	15.000	
	Xu hào	đ/kg	15.000	15.000	
	Cải ngồng	đ/kg	15.000	15.000	
	Cà rốt	đ/kg	15.000	15.000	
	Khoai tây	đ/kg	15.000	15.000	
	Cà chua	đ/kg	15.000	15.000	
	Chuối tiêu chín	đ/quả	1.000	1.000	
	Chuối tiêu xanh	đ/quả	3.000	3.000	
	Cam sành	đ/kg	20.000	20.000	
	Cam canh	đ/kg	35.000	35.000	
	Dưa lê	đ/kg	35.000	35.000	
18	Thức ăn chăn nuôi tổng hợp				
	- Cám gà	đ/kg	7.000	7.000	
	- Cám Lợn	đ/kg	10.000	10.000	
	- Ngô hạt	đ/kg	8.000	8.000	